

Bản án số: 21/2018/DS-PT

Ngày 29/11/2018

V/v: Yêu cầu bồi thường và đòi lại đất đã giao  
cho người khác sử dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Tiến Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Cà Văn Pâng;

Bà Phạm Thị Thu Hằng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Xuân Kiểm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018, về việc “*Yêu cầu bồi thường và đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng.*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐDS-PT, ngày 22 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐ-PT ngày 13/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐ-PT ngày 29/11/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Vũ Khắc T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên.  
(Có mặt)

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Khắc T:* Ông Trần Xuân T1; Luật sư thuộc Công ty luật TNHH V - Đoàn Luật sư Hà Nội;

Địa chỉ: P1, tòa nhà Imperia Garden, số A2, đường N, quận X, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Tổ dân phố B1, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố P (theo văn bản ủy quyền số 762/UBND-VP, ngày 12/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố P). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vũ Hoàng V và bà Bùi Thị A; Cùng địa chỉ: Số nhà A3, tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Đều vắng mặt không có lý do).

3.2. Ông Nguyễn Hùng C và bà Phạm Lệ T2; Cùng địa chỉ: Số nhà A4, tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Đều vắng mặt không có lý do).

3.3. Bà Phạm Thị T3; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2017; các đơn bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Vũ Khắc T trình bày:**

Năm 1991 ông T mua của ông Trần Văn H một mảnh đất tại xã M, huyện Đ, tỉnh Lai Châu cũ (*nay thuộc tổ dân phố B, phường H, thành phố P*) với giá 1.000.000 đồng. Đất thực tế có chiều rộng tám mét đường quốc lộ 8,5m; chiều dài một bên 17m, một bên 18m. Hai bên có lập "*Giấy nhượng đất và hoa mầu*" ngày 20/12/1991 và có xác nhận của UBND xã M. Ông T đã nộp thuế đầy đủ. Đất thực tế rộng 8,5m nhưng trong giấy ghi rộng 07m vì khi đo chiều dài ngắn hơn thỏa thuận ban đầu, nên ông H trả bù 1,5m chiều rộng; việc này có làm thành giấy tờ nhưng đã bị thất lạc. Năm 1994 UBND thị xã P có kiểm tra đất đai và hộ khẩu tại thị xã P; tại biên bản kiểm tra ngày 19/5/1994 có ghi diện tích đất ông H chuyển nhượng cho ông T là 128m<sup>2</sup> là không chính xác, nhưng ông T không có ý kiến gì vì chỉ ký mà không xem biên bản.

Năm 1995, khi thực hiện việc sắp xếp khu dân cư, cán bộ UBND thị xã P (không nhớ là ai) có nói với ông T, không có văn bản: "*Mỗi người ở mặt đường chỉ được 5m, còn lại lấy ra để cấp cho hộ khác*"; ông T không đồng ý nhưng không dám phản đối. Sau đó Ủy ban ép gia đình ông T tháo dỡ nhà cửa, lấy đất giao cho người khác mà không có giấy tờ gì, chỉ để lại cho gia đình ông T 5m chiều bám mặt đường quốc lộ, gây thiệt hại cho ông T 25.000.000 đồng tiền tháo dỡ theo thời giá lúc bấy giờ. Phần còn lại Ủy ban cấp cho gia đình ông Triệu Quang T4 và gia đình bà Nguyễn Thị N. Sau đó, ông T4 đã bán đất cho gia đình ông V và bà A. Bà N đã bán đất cho gia đình ông C và bà T2. Các gia đình đã làm nhà ở trên đất cho đến nay, ông T không phản đối việc này vì thiếu hiểu biết. Đến cuối năm 2004 và năm 2014 ông T có khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền, nhưng chỉ được trả lời bằng miệng, không có văn bản giải quyết. Ông T không tranh chấp đất với các gia đình được cấp đất và các gia đình đang sử dụng đất, vì họ được Ủy ban cấp đất và nhận chuyển nhượng hợp pháp; yêu cầu UBND thành phố P phải hoàn trả lại đất cho ông T.

Sau khi ông T mua đất của ông H, trước khi có việc tháo dỡ nhà cửa, lấy đất nói trên, Nhà nước đã lấy một phần đất chiều rộng giáp đường ông T đã mua vào sâu khoảng 2m để mở rộng đường nhưng không có văn bản nào về việc này, nên đất của ông T mua của ông H chiều dài chỉ còn khoảng 15m. Ngày 23/9/2005, ông T và bà T3 được UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 100m<sup>2</sup> đất còn lại. Đến ngày 11/5/2017 UBND thành phố P lại ban hành quyết định 475/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định này nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chấp nhận; ông T đang tiếp tục khiếu nại bản án phúc thẩm của Tòa án cấp cao tại Hà Nội.

Quyết định số 424/QĐ/UB/XD ngày 29/7/1995 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất xây dựng không có diện tích đất của gia đình ông T; danh sách thu hồi đất không có tên gia đình ông T. Cho đến nay chưa có cơ quan hay cá nhân nào bồi thường thiệt hại cho ông T trong việc thu hồi đất không đúng. Ông T không thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất nhưng Ủy ban vẫn bắt nộp 5.000.000đ khi tạm giao đất, gây thiệt hại cho ông T tương ứng 100m<sup>2</sup> đất. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên như sau:

- Bồi thường cho ông T 25.000.000đ thiệt hại do phải tháo dỡ nhà cửa công trình phụ, máy móc theo thời điểm năm 1995;

- Bồi thường cho ông T 100m<sup>2</sup> đất tại địa bàn thành phố P, tương ứng với số tiền 5.000.000đ đã thu của gia đình ông T theo biên lai số N<sup>0</sup>- 029045 ngày 17/5/1996 của Chi cục thuế thị xã P, tỉnh Lai Châu cũ.

- Trả lại ông T 59,5m<sup>2</sup> đất (*rộng 3,5m, dài 17m*) ở vị trí tương ứng với đất đã lấy của gia đình ông T tại tổ dân phố B phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên mà UBND thành phố P đã lấy cấp cho người khác. Đất này hiện ông V, bà A đang sử dụng là 02m chiều rộng, 17m chiều dài; ông C, bà T2 đang sử dụng là 1,5m chiều rộng, 17m chiều dài.

Toàn bộ giấy tờ về đất ông T đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đối với phần đất ông T đang sử dụng, ông T đã sao chụp lại (*có dấu treo xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất*) để nộp cho Tòa án. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã nộp, ông T không còn tài liệu, chứng cứ gì khác.

## **2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 04/4/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn trình bày:**

UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì những lý do sau:

Gia đình ông T thuộc diện bị thu hồi đất theo quyết định số 424/QĐ/UB/XD ngày 29/7/1995 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất xây dựng và cấp đất xây dựng nhà ở cho các hộ dân cư theo quy hoạch tại Quyết định số 91/QĐ-UB-CN ngày 02/4/1994 và Quyết định 425/QĐ/UB/XDCN ngày 29/7/1995 của UBND tỉnh Lai Châu. Ủy ban không ban hành văn bản nào yêu cầu ông T tháo dỡ nhà cửa, máy móc, thiết bị. Khi thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư theo quy hoạch, sở địa chính giao cho ông T một xuất đất tại chỗ với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất tại Giấy tạm giao đất số 244/ĐC-GĐ; tiền sử dụng đất ông T đã nộp là 5.000.000 đồng tại biên lai số N<sup>0</sup> 029045, ngày 17/5/1996 của Chi cục thuế thị xã P, tỉnh Lai Châu cũ.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 01/8/2018 Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

- Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường 100m<sup>2</sup> đất tại địa bàn thành phố P tương ứng với số tiền 5.000.000đ ông T đã nộp năm 1996;

- Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu đòi đất và bồi thường 25.000.000đ tiền tháo dỡ nhà cửa, máy móc trên đất của ông T vì không có căn cứ.

**3. Tại bản tự khai ngày 16/3/2018 và trong quá trình xét xử, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

\* Ông Nguyễn Hùng C: Ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P từ bà N và đã được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH17775 ngày 19/4/2011, khi mua trên đất đã có nhà cấp 4. Từ đó đến nay không có tranh chấp với ai, hiện trạng nhà đất chưa có thay đổi gì. Nhà đất bà N chuyển nhượng, ông C không biết do bà N được cấp hay có nguồn gốc từ đâu; hiện tại bà N ở đâu ông C không biết. Việc ông T khởi kiện UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên ông C không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

\* Bà Phạm Lệ T2: Không có ý kiến khác với lời trình bày của ông C.

\* Bà Bùi Thị A: Bà A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P từ ông T4, bà T5 và đã được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH40607 ngày 23/01/2018. Bà A không biết gì về việc yêu cầu khởi kiện của ông T và không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định.

\* Ông Vũ Hoàng V: Không có ý kiến trả lời thông báo của Tòa án.

**4. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông T nhận chuyển nhượng đất tại tổ dân phố B, phường H từ ông H trước khi có quy hoạch, có giấy tờ hợp pháp theo quy định tại thời điểm đó. Sau khi mua, ông T đã làm nhà và mở dịch vụ xây sát tại đây. Quyết định 424 của UBND tỉnh Điện Biên là quyết định thu hồi đất tổng thể, không có quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình là không đúng trình tự, thủ tục. UBND thị xã P trước đây dùng áp lực lấy đất của ông T trái phép, dùng chính đất của ông T cấp cho ông T và thu 5.000.000đ đã gây thiệt hại cho ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử, buộc UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên bồi thường cho ông T 25.000.000 đồng thiệt hại do tháo dỡ nhà cửa, công trình phụ, máy móc trên đất và 100m<sup>2</sup> đất tại địa bàn thành phố P, tỉnh Điện Biên tương ứng với 5.000.000 đồng đã thu của ông T vào năm 1996. Trả cho ông T 59,5m<sup>2</sup> đất đã lấy của ông T, nếu không lấy được ở vị trí cũ thì lấy đất ở vị trí khác tại thành phố P, tỉnh Điện Biên.

**Bản án cấp sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P đã Quyết định:**

Căn cứ vào các khoản 6, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; Điều 185; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 149; khoản 3 Điều 150, Điều 588, điểm d khoản 1 Điều 688; khoản 2 Điều 149 BLDS;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bồi thường 100m<sup>2</sup> đất tại thành phố P, tỉnh Điện Biên tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng thu theo biên lai số N<sup>0</sup> - 029045 ngày 17/5/1996 của ông Vũ Khắc T.

Các đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với những yêu cầu bồi thường trên, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bồi thường 25.000.000 đồng gồm tiền tháo dỡ nhà cửa, công trình phụ, máy móc của ông Vũ Khắc T.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên trả lại 59,5m<sup>2</sup> đất ở vị trí tương ứng đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên của ông Vũ Khắc T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2018 ông Vũ Khắc T có đơn kháng cáo yêu cầu UBND thành phố P trả hết đất theo giấy ông T đã nhận chuyển nhượng với gia đình ông H là 7m chiều rộng, sâu 17m tại tổ 8, phường H, thành phố P. Không đồng ý đối với phần thứ 03 theo Quyết của bản án.

Ngày 04/9/2018 ông Vũ Khắc T tiếp tục kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cùng các cơ quan pháp luật làm sáng tỏ việc tại sao lấy đất của gia đình ông mà không có thông báo, không có quyết định, không được kiểm đếm, không được hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Điện Biên có ý kiến về tính căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### **[1] Về áp dụng pháp luật:**

Sau khi nhận đơn của ông Vũ Khắc T khởi kiện UBND thành phố P trả lại diện tích đất do UBND thị xã P (cũ) đã lấy đất của gia đình ông là 59,5 m<sup>2</sup> (3,5m x 17m) bán cho người khác; yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 25.000.000đ do tháo dỡ nhà trả lại đất cho UBND thị xã và yêu cầu cấp cho 100m<sup>2</sup> đất tương ứng với 5.000.000đ do ông T nộp từ năm 1996. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “kiện đòi tài sản”. Quá trình giải quyết vụ án đã thay đổi quan hệ pháp luật sang “tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và kiện đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng” là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền.

#### **[2] Xét về kháng cáo:**

##### **[2.1] Về thời hạn kháng cáo, phạm vi kháng cáo:**

Ngày 27/8/2018 TAND thành phố P nhận được đơn kháng cáo của ông Vũ Khắc T đề ngày 25/8/2018 về việc không đồng ý đối với phần thứ 03 Quyết định của bản án sơ thẩm đó là yêu cầu UBND thành phố P trả lại 59,5m<sup>2</sup> đất ở tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P. Ngày 29/8/2018 TAND thành phố P đã ra thông báo số 08/TB-TA về việc kháng cáo. Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của BLTTDS nên kháng cáo hợp lệ và đúng luật định.

Ngày 05/9/2018 TAND thành phố P tiếp tục nhận được đơn kháng cáo bổ sung của ông Vũ Khắc T đề ngày 04/9/2018. Mặc dù, đơn kháng cáo bổ sung của ông Vũ Khắc T nộp đúng thời hạn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo việc kháng cáo bổ sung cho bị đơn và Viện kiểm sát; không kiểm tra tính hợp lệ của kháng cáo bổ sung theo quy định tại Điều 272, 274 của BLTTDS năm 2015; Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

## **[2.2] Xét về nội dung kháng cáo:**

*[2.2.1]. Xét về nội dung kháng cáo bổ sung của ông Vũ Khắc T yêu cầu UBND thành phố P trả lại cho gia đình ông diện tích đất như trong giấy chuyển nhượng đất giữa ông Vũ Khắc T với ông Trần Văn H là 7m chiều rộng, 17m chiều sâu; Yêu cầu Tòa án cùng các cơ quan pháp luật làm sáng tỏ việc tại sao lấy đất của gia đình ông mà không có thông báo, không có quyết định, không được kiểm đếm, không được hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu trên đất.*

Căn cứ vào các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của các ngày 25/9/2017, ngày 28/9/2017, ngày 20/12/2017 và ngày 25/12/2017 của ông Vũ Khắc T đều thể hiện yêu cầu UBND thành phố P có trách nhiệm bồi thường, trả lại đất cho gia đình ông như sau:

- Bồi thường cho ông T 25.000.000đ tiền tháo dỡ nhà cửa, công trình, máy móc theo thời điểm giá năm 1995;
- Bồi thường cho ông T 100m<sup>2</sup> đất ở tại thành phố P tương ứng với số tiền 5.000.000đ đã thu của gia đình ông T tại biên lai số N<sup>o</sup>-029045 ngày 17/5/1996;
- Trả lại cho ông T đất với chiều rộng 3,5m, chiều dài 17m tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P mà UBND thành phố đã lấy cấp cho người khác sử dụng (*đất này hiện ông T4 đang sử dụng là 02m chiều rộng, 17m chiều dài; ông C đang sử dụng là 1,5m chiều rộng, 17m chiều dài*).

“Tại các Bút lục số 01, 04, 71, 73”.

Như vậy, ông Vũ Khắc T không có trường hợp nào yêu cầu UBND thành phố P trả cho ông T diện tích đất như trong giấy chuyển nhượng đất giữa ông Vũ Khắc T với ông Trần Văn H là 7m chiều rộng, 17m chiều sâu. Và cũng không yêu cầu Tòa án cùng các cơ quan pháp luật làm sáng tỏ việc tại sao lấy đất của gia đình mà không có thông báo, không có quyết định, không được kiểm đếm, không được hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu trên đất.

Kháng cáo này của ông Vũ Khắc T đã vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu, khởi kiện bổ sung của ông T và không đúng với nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm. Đồng thời, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 293 của BLTTDS năm 2015. Cho nên, hai nội dung kháng cáo trên của ông Vũ Khắc T không hợp lệ và không được chấp nhận. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*[2.2.2]. Xét về nội dung kháng cáo của ông Vũ Khắc T cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố*

*P trả lại 59,5m<sup>2</sup> đất ở vị trí tương ứng với đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P là không đúng:*

Thực hiện Quyết định số 424/QĐ/UB/XĐ, ngày 29/7/1995 của UBND tỉnh Lai Châu (cũ) về việc thu hồi đất xây dựng của các hộ dân cư chân đồi H ven đường 279 để cấp cho các hộ dân cư theo quy hoạch và Quyết định 425/QĐ/UB/XDCN, ngày 29/7/1995 của UBND tỉnh Lai Châu về việc cấp đất xây dựng cho các hộ được cấp đất theo quy hoạch. Ông Vũ Khắc T đã được tạm giao tại chỗ 100m<sup>2</sup> đất ở theo giấy tạm giao đất số 244/ĐC-GĐ, ngày 17/5/1996 của Sở địa chính Lai Châu.

Tại biên bản kiểm tra đất đai và hộ khẩu tại thị xã P ngày 19/5/1994 của gia đình ông T có ghi *“chưa có đủ thẩm quyền về giấy tờ, về quyền sử dụng đất đai. Đất, nhà ở nằm vùng giải tỏa”*. Hơn nữa, theo giấy chuyển nhượng đất và hoa màu, ngày 20/12/1991 giữa ông T và ông H có chiều rộng là 7m, chiều dài 17m, chỉ có chữ ký của ông H, không có chữ ký của ông T, mặc dù có xác nhận của UBND xã M. Như vậy, nhận xét của đoàn kiểm tra là chưa có đủ thẩm quyền về giấy tờ, về quyền sử dụng đất đai là có căn cứ.

Mặt khác, tại bản án Hành chính phúc thẩm số 120/2018/HC-PT, ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung nhận định: *“Diện tích đất theo giấy chuyển nhượng ngày 20/12/1991 của ông T đã bị thu hồi theo Quyết định số 26/QĐ-UB-XD, ngày 12/01/1995 về việc giải tỏa dọc tuyến đường 279 và phần còn lại bị thu hồi theo Quyết định số 424/QĐ-UB-XD, ngày 29/7/1995 về việc thu hồi đất xây dựng các hộ dân cư chân đồi H ven đường 279 của UBND tỉnh Lai Châu”*. Tại thời điểm đó, ông Vũ Khắc T cũng đã tham gia vào cuộc họp xét giải quyết đất khu ven cư đối với 9 hộ, trong đó, có gia đình ông T. Và gia đình ông T đã được sắp xếp tại chỗ theo giấy tạm giao đất số 244/ĐC-GĐ, ngày 17/5/1996 của Sở địa chính Lai Châu. Như vậy, một sự việc đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Không có căn cứ nào khẳng định việc UBND thị xã P (nay là Phố P) ban hành Quyết định để lấy đất của gia đình ông T bán cho người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay ông Vũ Khắc T không cung cấp thêm được chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng các tình tiết khách quan của vụ án, áp dụng đúng quy định của pháp luật để bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Khắc T là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T khai là có biết chủ trương thu hồi đất theo Quyết định số 424 của UBND tỉnh Lai Châu và gia đình đã tự nguyện tháo dỡ các công trình, nhà cửa trên đất bị thu hồi, được ra thực địa cắm đất hiện tại gia đình đang ở, nhưng ông T không khiếu nại, khiếu kiện đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Khắc T về việc yêu cầu UBND thành phố P, tỉnh Điện Biên trả lại 59,5m<sup>2</sup> đất ở với vị trí tương ứng đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P cho ông T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

**3. Xét về án phí:** Do kháng cáo của ông Vũ Khắc T không được chấp nhận, nên ông Vũ Khắc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền dự phí phúc thẩm tại biên lai số AA/2016/0002009, ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên.

*Vì các lý trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**1.** Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Vũ Khắc T, giữ nguyên Quyết định bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 6, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 2 Điều 184, Điều 185, điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 1, 3 Điều 218 của BLTTDS năm 2015. Khoản 1, 2 Điều 149; khoản 3 Điều 150; Điều 588; điểm d khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 148 của BLTTDS và khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

**1.1.** Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bồi thường 100m<sup>2</sup> đất tại thành phố P,

tỉnh Điện Biên tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng thu theo biên lai số N<sup>0</sup> - 029045 ngày 17/5/1996 của ông Vũ Khắc T.

Các đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đối với những yêu cầu bồi thường trên, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên bồi thường 25.000.000 đồng gồm tiền tháo dỡ nhà cửa, công trình phụ, máy móc của ông Vũ Khắc T.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên trả lại 59,5m<sup>2</sup> đất ở vị trí tương ứng đất tại tổ dân phố B, phường H, thành phố P, tỉnh Điện Biên cho ông Vũ Khắc T.

## **2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:**

### *2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Vũ Khắc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng; 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường tiền tháo dỡ nhà cửa, công trình phụ và máy móc.

Trả lại cho ông Vũ Khắc T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ giải quyết.

Khấu trừ số tiền ông Vũ Khắc T phải nộp và được trả lại vào số tiền 1.225.000đ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001665, ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên. Ông Vũ Khắc T còn phải nộp tiếp là 325.000đ (ba trăm hai mươi năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

### *2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Vũ Khắc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp) tại biên lai số AA/2006/0002009, ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên.

**3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2018)/.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP P ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CC THADS TP P;
- Lưu HSVA và VPHC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Tiến Phương**